ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

Số: 1401/TB-ĐHTV

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Trà Vinh, ngày 29 tháng 4 năm 2022

THÔNG BÁO
TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ, ĐỢT THÁNG 8 NĂM 2022

Căn cứ Quy chế đào tạo trình độ thạc sĩ ban hành kèm theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ vào kế hoạch tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ năm 2022;

Trường Đại học Trà Vinh thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ, đợt tháng 8 năm 2022, cụ thể như sau:

I. NGÀNH TUYỂN SINH

Stt	Ngành/chuyên ngành	Mã ngành	Stt	Ngành/chuyên ngành	Mã ngành
1	Kế toán	8340301	13	Luật dân sự và tố tụng dân sự	8380103
2	Quản lý kinh tế	8310110	14	Luật kinh tế	8380107
3	Quản trị kinh doanh	8340101	15	Luật hiến pháp và luật hành chính	8380102
4	Quản trị kinh doanh (Khởi sự doanh nghiệp)	8340101	16	Luật hình sự và tố tụng hình sự	8380104
5	Tài chính – Ngân hàng	8340201	17	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Ngữ văn	8140111
6	Kỹ thuật điện	8520201	18	Văn hoá học	8229040
7	Phát triển nông thôn	8620116	19	Quản lý giáo dục	8140114
8	Thú y	8640101	20	Giáo dục học (Giáo dục tiểu học)	8140101
9	Nuôi trồng thủy sản	8620301	21	Giáo dục học (Giáo dục mầm non)	8140101
10	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	8580205	22	Quản lý công	8340403
11	Quản lý y tế	8720801	23	Công nghệ thông tin	8480201
12	Y tế công cộng	8720701	24	Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh	8140111

II. THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ TUYỂN SINH

2.1 Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

Hội đồng tuyển sinh đánh giá hồ sơ đăng ký dự tuyển của thí sinh dựa trên:

- Chương trình đào tạo bậc đại học phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển.
- Kết quả học tập trình độ đại học.
- Năng lực ngoại ngữ (theo yêu cầu của chương trình đào tạo mà thí sinh dự tuyển).
- Mức ưu tiên theo quy định.

2.2 Điều kiện dự tuyển: Thí sinh có đủ sức khỏe học tập, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự.

2.2.1 Về văn bằng

Thí sinh cần thỏa một trong các điều kiện sau:

a. Đã tốt nghiệp đại học hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ;

b. Đã tốt nghiệp đại học hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành gần, ngành khác với ngành, chuyên ngành đăng ký dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ, đã hoàn thành học bổ sung kiến thức trước khi dự tuyển theo quy định tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ của Trường;

Danh mục ngành ĐÚNG, ngành PHÙ HỢP, ngành GẦN, ngành KHÁC (Phụ lục đính kèm, hoặc xem tại trang web http://sdh.tvu.edu.vn).

2.2.2 Điều kiện Ngoại ngữ

Thí sinh dự tuyển cần đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a. Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài; hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên mà chương trình được thực hiện chủ yếu bằng ngôn ngữ nước ngoài;

b. Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do Trường Đại học Trà Vinh cấp trong thời gian không quá 02 năm mà chuẩn đầu ra của chương trình đã đáp ứng yêu cầu ngoại ngữ đạt trình độ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam;

c. Một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc các chứng chỉ tương đương khác do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, còn hiệu lực tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

d. Thí sinh dự tuyển vào ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tiếng Anh, yêu cầu về trình độ ngoại ngữ là phải có chứng chỉ tiếng nước ngoài khác tiếng Anh ở trình độ tương đương theo quy định tại điểm c khoản này do một tổ chức khảo thí được quốc tế và Việt Nam công nhận cấp trong thời hạn 02 năm (24 tháng) tính đến ngày đăng ký dự tuyển; hoặc đáp ứng quy định tại điểm a khoản này khi ngôn ngữ sử dụng trong thời gian học tập không phải là tiếng Anh; hoặc đáp ứng quy định tại điểm b khoản này khi có bằng tốt nghiệp đại học ngành ngôn ngữ nước ngoài không phải là tiếng Anh.

e. Ứng viên dự tuyển là công dân nước ngoài nếu đăng ký theo học các chương trình đào tạo thạc sĩ bằng tiếng Việt phải đạt trình độ tiếng Việt từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài hoặc đã tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) mà chương trình đào tạo được giảng dạy bằng tiếng Việt; đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai theo quy định của cơ sở đào tạo (nếu có).

f. Đối với thí sinh chưa có minh chứng về trình độ ngoại ngữ theo các điều kiện trên, thí sinh phải dự thi đánh giá năng lực ngoại ngữ trình độ bậc 3/6 do Trường tổ chức trước khi thực hiện xét tuyển.

Bảng tham chiếu quy đổi một số văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ tương đương Bậc 3 khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam

TT	Ngôn ngữ	Chứng chỉ /Văn bằng	Trình độ/Thang điểm
			Tương đương Bậc 3
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	30-45
		TOEFL ITP	450-499
		IELTS	4.0 - 5.0
		Cambridge Assessment English	B1 Preliminary/B1 Business Preliminary/ Linguaskill. Thang điểm: 140-159
		TOEIC (4 kỹ năng)	Nghe: 275-399 Đọc: 275-384 Nói: 120-159 Viết: 120-149
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance francaise diplomas	TCF: 300-399 Văn bằng DELF B1 Diplôme de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe - Institut	Goethe-Zertifikat B1
		The German TestDaF language certificate	TestDaF Bậc 3 (TDN 3)
4	Tiếng Trung Quốc	Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK Bậc 3
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N4
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному	ТРКИ-1

2.3 Hình thức, thời gian và địa điểm đào tạo

- Hình thức đào tạo: Giáo dục chính quy
- Thời gian đào tạo: Từ 01 đến 02 năm.
- Địa điểm đào tạo: Trường Đại học Trà Vinh.

2.4 Đối tượng ưu tiên

- Người có thời gian công tác liên tục từ 02 năm trở lên (tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ đăng ký dự thi) tại các địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học,

cao đẳng hệ chính quy hiện hành. Trong trường hợp này, thí sinh phải có quyết định tiếp nhận công tác hoặc điều động, biệt phái công tác của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền;

- Con liệt sĩ; Thương binh, người hưởng chính sách như thương binh; Anh hùng lực lượng vũ trang, anh hùng lao động;

- Con đẻ của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hoá học được Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh công nhận bị dị dạng, dị tật, suy giảm khả năng tự lực trong sinh hoạt, học tập do hậu quả của chất độc hoá học;

- Người dân tộc thiểu số có hộ khẩu thường trú từ 02 năm trở lên ở địa phương được quy định là Khu vực 1 trong Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành.

2.5 Hồ sơ dự tuyển và hình thức đăng ký

2.5.1 Hồ sơ dự tuyển

(1) Phiếu đăng ký dự tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ;

(2) Sơ yếu lý lịch;

(3) Phiếu đăng ký học bổ sung kiến thức (nếu có);

(4) Phiếu đăng ký xét miễn giảm các học phần bổ sung kiến thức (nếu có);

(5) Bản sao có chứng thực các loại giấy tờ:

- Bằng và bảng điểm tốt nghiệp đại học;
- Chứng chỉ ngoại ngữ (nếu có) còn thời hạn 02 năm kể từ ngày cấp chứng chỉ đến thời điểm dự tuyển;
- Căn cước công dân hoặc giấy khai sinh;
- Giấy tờ minh chứng về đối tượng ưu tiên (nếu có);
- Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập của cơ sở y tế có thẩm quyền trong thời gian không quá 6 tháng;
- Phong bì có dán tem và ghi rõ địa chỉ liên hệ của thí sinh;
- 03 ảnh (4x6) chụp không quá 6 tháng (ghi rõ họ tên ngày tháng năm sinh ở mặt sau)

2.5.2 Hình thức đăng ký

- Trực tuyến: https://tuyensinhsdh.tvu.edu.vn
- Trực tiếp: tại phòng Đào tạo Sau đại học hoặc gửi qua đường Bưu điện: **Phòng Đào tạo Sau đại học (A11.101), Trường Đại học Trà Vinh**

Thí sinh đăng ký dự tuyển bằng hình thức trực tuyến phải nộp hồ sơ trực tiếp đến Phòng Đào tạo Sau đại học đến hết ngày nhận hồ sơ dự tuyển.

Thông tin biểu mẫu hồ sơ dự tuyển được đăng tại trang web http://sdh.tvu.edu.vn (Mục cao học - biểu mẫu - tuyển sinh).

2.6 Thời gian đăng ký học bổ sung kiến thức, nộp hồ sơ dự tuyển, ôn tập và đánh giá năng lực ngoại ngữ

- Đăng ký học bổ sung kiến thức (dành cho thí sinh tốt nghiệp đại học thuộc ngành gần, ngành khác với ngành dự tuyển) và ôn tập ngoại ngữ: Từ ngày ra thông báo đến hết ngày 15/7/2022;
- Nhận hồ sơ dự tuyển: Từ ngày ra thông báo đến hết ngày 09/8/2022;
- Đánh giá năng lực ngoại ngữ (dự kiến): ngày 13-14/8/2022
- Lịch xét tuyển (dự kiến): Từ ngày 26-28/8/2022;
- Thời gian công bố kết quả: Thông báo tại website của Trường.

2.7 Lệ phí dự tuyển và học bổ sung kiến thức

- Lệ phí xét tuyển: 300.000 đồng/hồ sơ;
- Lệ phí ôn tập và thi đánh giá năng lực ngoại ngữ: 3.250.000 đồng;
- Học phí bổ sung kiến thức: 1.200.000 đồng/môn.

Thí sinh nộp lệ phí tại phòng Kế hoạch - Tài vụ, Trường Đại học Trà Vinh.

Hoặc chuyển khoản - Chủ tài khoản: Trường Đại học Trà Vinh, số tài khoản: **7400211000777** tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn tỉnh Trà Vinh, khi nộp cần ghi rõ họ tên, ngành đăng ký dự thi, đơn vị công tác.

Mọi chi tiết liên hệ phòng Đào tạo Sau đại học (A11.101), Trường Đại học Trà Vinh, Số 126 Nguyễn Thiện Thành, phường 5, Tp. Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Điện thoại: 02943.779.888

Email: sdh@tvu.edu.vn.

Lưu ý:

- Các văn bằng, bảng điểm do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phải thực hiện thủ tục công nhận theo quy định của Bộ GD&ĐT Việt Nam.

- Không hoàn trả lại hồ sơ và lệ phí cho người dự tuyển.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

PGS.TS.Phạm Tiết Khánh

Nơi nhận:
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy Trà Vinh (b/c);
- Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh (b/c);
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Trà Vinh (b/c);
- Các Sở, Ban, Ngành trong và ngoài tỉnh;
- Các trường Đại học, Cao đẳng;
- Các trường Phổ thông;
- Lưu: VT, P.ĐTSĐH.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TRÀ VINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG, NGÀNH PHÙ HỢP, NGÀNH GẦN, NGÀNH KHÁC VÀ CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG KIẾN THỨC

(Đính kèm Thông báo tuyển sinh số 1401/TB-ĐHTV, ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Trà Vinh)

Ngành, chuyên ngành đúng/phù hợp (không học bổ sung kiến thức)	**Ngành, chuyên ngành gần** (học bổ sung kiến thức)		**Ngành, chuyên ngành khác** (học bổ sung kiến thức)	
	Tên ngành	**Học phần bổ sung kiến thức**	**Tên ngành**	**Học phần bổ sung kiến thức**
1. NGÀNH Y TẾ CÔNG CỘNG				
- Y tế công cộng - Y học dự phòng	- Y khoa - Y học cổ truyền - Dược học - Điều dưỡng - Hộ sinh - Kỹ thuật xét nghiệm y học - Kỹ thuật hình ảnh y học - Kỹ thuật phục hồi chức năng - Dinh dưỡng - Răng – Hàm – Mặt - Kỹ thuật phục hình răng - Quản lý bệnh viện - Tổ chức và quản lý y tế - Các ngành khác thuộc khối ngành khoa học sức khỏe	- Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe (2TC) - Nhân học và xã hội học sức khỏe (2TC) - Các chương trình hỗ trợ có mục tiêu về y tế - dân số (2TC)	Các ngành còn lại ngoài các ngành đúng/ phù hợp và các ngành gần	- Các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe (2TC) - Nhân học và xã hội học sức khỏe (2TC) - Các chương trình hỗ trợ có mục tiêu về y tế - dân số (2TC) - Các bệnh thường gặp (2TC) - Giải phẫu - Sinh lý (2TC) - Vi sinh vật – Ký sinh trùng (2TC) - Điều dưỡng cơ bản – Cấp cứu ban đầu (2TC)

2. NGÀNH QUẢN LÝ Y TẾ				
- Y học dự phòng - Y tế công cộng - Tổ chức và quản lý y tế - Quản trị bệnh viện - Quản lý bệnh viện	- Y khoa - Y học cổ truyền - Dược học - Điều dưỡng - Hộ sinh - Kỹ thuật xét nghiệm y học - Kỹ thuật hình ảnh y học - Kỹ thuật phục hồi chức năng - Dinh dưỡng - Răng - Hàm - Mặt - Kỹ thuật phục hình răng - Các ngành khác thuộc khối ngành khoa học sức khỏe	- Thiết kế đánh giá chương trình y tế (2TC) - Quản lý dịch vụ y tế (2TC) - Các chương trình hỗ trợ có mục tiêu về y tế - dân số (2TC)	Các ngành còn lại ngoài các ngành đúng/ phù hợp và các ngành gần	- Thiết kế đánh giá chương trình y tế (2TC) - Quản lý dịch vụ y tế (2TC) - Các chương trình hỗ trợ có mục tiêu về y tế - dân số (2TC) - Các bệnh thường gặp (2TC) - Giải phẫu - Sinh lý (2TC) - Vi sinh vật - Ký sinh trùng (2TC) - Điều dưỡng cơ bản - Cấp cứu ban đầu (2TC)
3. NGÀNH LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỘ MÔN TIẾNG ANH				
Sư phạm Tiếng Anh	- Ngôn ngữ Anh - Tiếng Anh biên - phiên dịch - Tiếng Anh thương mại - Anh văn thương mại và truyền thông doanh nghiệp - Tiếng Anh du lịch - Tiếng Anh du lịch và thương mại	- Phương pháp giảng dạy tiếng Anh (4TC) - Nhập môn ngôn ngữ học (4TC)	Các ngành còn lại ngoài ngành đúng/ phù hợp và các ngành gần thỏa 01 trong các điều kiện: - Có chứng chỉ quốc tế IELTS còn thời hạn, điểm trung bình 6.5 (không có điểm thành phần dưới 6.0) hoặc tương đương; -Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên được đào tạo toàn thời gian ở nước ngoài; -Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do các trường nước ngoài cấp nhưng học tại Việt Nam với ngôn ngữ giảng dạy bằng tiếng Anh	Phương pháp giảng dạy tiếng Anh (4TC) Nhập môn phương pháp nghiên cứu khoa học (4TC) Nhập môn ngôn ngữ học (4TC) Viết học thuật (4TC) Thống kê xã hội học (4TC)

4. NGÀNH QUẢN LÝ CÔNG				
- Quản lý công - Hành chính học - Quản lý nhà nước - Khoa học quản lý - Quản trị nhân lực - Hệ thống thông tin quản lý - Quản trị văn phòng - Quan hệ lao động - Quản lý dự án	- Chính trị học - Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước - Luật - Luật kinh tế - Chủ nghĩa xã hội khoa học	- Lý luận hành chính nhà nước (2TC) - Nhân sự hành chính nhà nước (2TC) - Khoa học quản lý (2TC)	Nhóm ngành: - Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên - Nhân văn - Khoa học xã hội và hành vi - Báo chí và thông tin - Kinh doanh và quản lý - Pháp luật - Toán và thống kê - Máy tính và công nghệ thông tin - Nông, lâm nghiệp và thủy sản - Dịch vụ xã hội - Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân - Môi trường và bảo vệ môi trường - An ninh, quốc phòng	- Lý luận hành chính nhà nước (2TC) - Nhân sự hành chính nhà nước (2TC) - Khoa học quản lý (2TC) - Hiến pháp và Luật tổ chức nhà nước (2TC)
5. NGÀNH QUẢN LÝ GIÁO DỤC				
- Quản lý giáo dục - Giáo dục học	- Quản lý văn hóa - Quản lý thể dục thể thao - Các ngành thuộc nhóm ngành: Đào tạo Giáo viên - Các ngành thuộc nhóm ngành: Tâm lý học	- Tổ chức và quản lý cơ sở giáo dục và nhà trường (3TC) - Đại cương khoa học quản lý (3TC) - Giáo dục học (3TC)	Các ngành còn lại ngoài các ngành đúng/ phù hợp và các ngành gần	- Tổ chức và quản lý cơ sở giáo dục và nhà trường (3TC) - Đại cương khoa học quản lý (3TC) - Giáo dục học (3TC) - Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục và đào tạo (3TC)

6. NGÀNH GIÁO DỤC HỌC (GIÁO DỤC MẦM NON)				
- Giáo dục Mầm non	- Giáo dục đặc biệt - Giáo dục Tiểu học - Công tác xã hội - Tâm lý học - Giáo dục học - Quản lý giáo dục	- Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non (3TC) - Giáo dục học mầm non (3TC) - Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non (2TC)	Các ngành thuộc khối ngành đào tạo giáo viên	- Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non (3TC) - Giáo dục học mầm non (3TC) - Phát triển và tổ chức thực hiện chương trình giáo dục mầm non (2TC) - Lý luận và phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh (3TC)
7. NGÀNH GIÁO DỤC HỌC (GIÁO DỤC TIỂU HỌC)				
- Giáo dục Tiểu học - Giáo dục học	- Các ngành thuộc nhóm ngành: Khoa học giáo dục và Đào tạo Giáo viên. - Các ngành thuộc nhóm ngành: Tâm lý học	- Giáo dục học (3TC) - Lý luận và phương pháp dạy học Toán ở tiểu học (3TC) - Lý luận và phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học (3TC)	Các ngành còn lại ngoài các ngành đúng/ phù hợp và các ngành gần	- Giáo dục học (3TC) - Lý luận và phương pháp dạy học Toán ở tiểu học (3TC) - Lý luận và phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học (3TC) - Cơ sở Tự nhiên - Xã hội và phương pháp học tự nhiên - xã hội ở tiểu học (3TC)
8. NGÀNH LUẬT HIẾN PHÁP VÀ LUẬT HÀNH CHÍNH				
- Luật - Luật Hành chính - Luật Thương mại - Luật Quốc tế - Luật Kinh tế - Luật Kinh doanh - Luật Hình sự - Quản lý Nhà nước - Hành chính học	- Quản lý giáo dục - Giáo dục Chính trị - Điều tra Trinh sát - Điều tra Hình sự - Quản lý nhà nước về an toàn trật tự - Quản lý giáo dục và cải tạo nhân phẩm - Chính trị học - Xây dựng đảng và chính quyền nhà nước - Quản trị văn phòng	- Lý luận nhà nước và pháp luật và Luật hiến pháp (3TC) - Luật hành chính và tố tụng hành chính (3TC) - Luật hình sự, luật dân sự và luật thương mại (3TC)	Các ngành còn lại ngoài các ngành đúng/ phù hợp và các ngành gần	- Lý luận nhà nước và pháp luật và Luật hiến pháp (3TC) - Luật hành chính và tố tụng hành chính (3TC) - Luật hình sự, luật dân sự và luật thương mại (3TC) - Pháp luật về khiếu nại, tố cáo (3TC)

9. NGÀNH LUẬT HÌNH SỰ VÀ TỐ TỤNG HÌNH SỰ				
- Luật - Luật Kinh tế - Luật Quốc tế - Luật Hành chính - Luật Kinh doanh - Luật Thương mại - Luật Hình sự - Luật dân sự - Luật tư pháp	• ***Đối tượng 1:*** - Điều tra trinh sát - Điều tra hình sự - Quản lý nhà nước về an ninh trật tự • ***Đối tượng 2:*** - Kỹ thuật hình sự - Quản lý, giáo dục và cải tạo phạm nhân - Tham mưu, chỉ huy vũ trang bảo vệ an ninh - Phòng cháy chữa cháy và cứu hộ nạn nhân - Hậu cần Công an nhân dân - Tình báo an ninh	- Lý luận nhà nước và pháp luật và Luật hiến pháp (3TC) - Những vấn đề chung về luật hình sự (3TC) - Pháp luật tố tụng hình sự (3TC)	Các ngành còn lại ngoài các ngành đúng/ phù hợp và các ngành gần	- Lý luận nhà nước và pháp luật và Luật hiến pháp (3TC) - Những vấn đề chung về luật hình sự (3TC) - Pháp luật tố tụng hình sự (3TC) - Luật dân sự, luật thương mại và luật hành chính (3TC)
10. NGÀNH LUẬT KINH TẾ				
- Luật - Luật Hành chính - Luật Thương mại - Luật Quốc tế - Luật Kinh tế - Luật Kinh doanh - Luật Hình sự	- Điều tra Trinh sát - Điều tra Hình sự - Quản lý Nhà nước	- Lý luận nhà nước và pháp luật và Luật hiến pháp (3TC) - Luật thương mại và Luật sở hữu trí tuệ (3TC) - Luật thuế và Luật đầu tư (3TC)	Các ngành còn lại ngoài các ngành đúng/ phù hợp và các ngành gần	- Lý luận nhà nước và pháp luật và Luật hiến pháp (3TC) - Luật thương mại và Luật sở hữu trí tuệ (3TC) - Luật thuế và Luật đầu tư (3TC) - Luật hình sự, luật dân sự và luật hành chính (3TC)
11. NGÀNH LUẬT DÂN SỰ VÀ TỐ TỤNG DÂN SỰ				
- Luật - Luật Hành chính - Luật Thương mại - Luật Kinh doanh - Luật Quốc tế - Luật Kinh tế - Luật Hình sự	- Điều tra Trinh sát - Điều tra Hình sự - Quản lý nhà nước	- Lý luận nhà nước và pháp luật và Luật hiến pháp (3TC) - Luật dân sự (3TC) - Luật tố tụng dân sự (3TC)	Các ngành còn lại ngoài các ngành đúng/ phù hợp và các ngành gần	- Lý luận nhà nước và pháp luật và Luật hiến pháp (3TC) - Luật dân sự (3TC) - Luật tố tụng dân sự (3TC) - Luật hình sự, luật thương mại và luật hành chính (3TC)

12. NGÀNH TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG				
- Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm - Tài chính tín dụng - Ngân hàng - Tài chính công - Tài chính doanh nghiệp - Tài chính tổng hợp	- Kinh tế - Kinh tế chính trị - Kinh tế đầu tư - Kinh tế phát triển - Kinh tế quốc tế - Thống kê kinh tế - Toán kinh tế - Kinh tế ngoại thương - Quản lý dịch vụ Logistics - Quản trị kinh doanh - Marketing - Bất động sản - Kinh doanh quốc tế - Kinh doanh thương mại - Thương mại điện tử - Quản trị kinh doanh tổng hợp - Quản trị tài chính - Kế toán; Kiểm toán - Kế toán tổng hợp - Kế toán kiểm toán - Khoa học quản lý - Quản lý công - Quản trị nhân lực - Quản lý dự án - Quản trị văn phòng - Hệ thống thông tin quản lý - Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - Quản trị khách sạn - Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống - Và các ngành Kinh tế khác	- Kinh tế học (3TC) - Tài chính doanh nghiệp (3TC) - Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (3TC)	Các ngành còn lại ngoài các ngành đúng/ phù hợp và các ngành gần	- Quản trị tài chính (3TC) - Tài chính doanh nghiệp (3TC) - Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (3TC) - Kinh tế học (3TC)

13. NGÀNH QUẢN LÝ KINH TẾ				
- Kinh tế - Kinh tế chính trị - Kinh tế đầu tư - Kinh tế phát triển - Kinh tế quốc tế - Thống kê kinh tế - Toán kinh tế - Quản lý Kinh tế	**Ngành**: Chính trị học, Quản lý nhà nước, Quan hệ quốc tế, Xã hội học, Nhân học, Tâm lý học, Tâm lý học giáo dục, Địa lý học, Quốc tế học, Quản lý giáo dục, Quản lý văn hóa, Quản lý thông tin, Luật Kinh tế, Quản lý đô thị và công trình, Kinh tế nông nghiệp, Quản lý tài nguyên rừng, Quản lý thủy sản, Quản lý thể dục thể thao, Kinh tế gia đình, Kinh tế vận tải, Quản lý Nhà nước về an ninh trật tự, Quản lý trật tự an toàn giao thông. - **Nhóm ngành:** Kinh doanh, Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm, Kế toán - Kiểm toán, Quản trị - Quản lý, Quản lý công nghiệp, Quản lý xây dựng, Quản lý y tế, Du lịch, Khách sạn, nhà hàng, Quản lý tài nguyên và môi trường.	- Kinh tế học (3TC) - Kinh tế công cộng (3TC)	Các ngành còn lại ngoài các ngành đúng/ phù hợp và các ngành gần	- Kinh tế học (3TC) - Kinh tế công cộng (3TC) - Nguyên lý thống kê kinh tế (3TC) - Kinh tế phát triển (3TC)
14. NGÀNH KẾ TOÁN				
- Kế toán - Kiểm toán -	- Quản trị kinh doanh - Marketing - Bất động sản - Kinh doanh quốc tế - Kinh doanh thương mại - Thương mại điện tử - Kinh doanh thời trang và dệt may - Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm - Khoa học quản lý/ Quản lý công - Quản trị nhân lực - Hệ thống thông tin quản lý - Quản trị văn phòng - Quan hệ lao động - Quản lý dự án	- Nguyên lý kế toán (3TC) - Kế toán tài chính (3TC) - Lập báo cáo tài chính (3TC)	Các ngành còn lại ngoài các ngành đúng/ phù hợp và các ngành gần	- Nguyên lý kế toán (3TC) - Kế toán tài chính (3TC) - Lập báo cáo tài chính (3TC) - Thuế (3TC)

15. NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH, KHỞI SỰ DOANH NGHIỆP				
- Quản trị kinh doanh - Makerting - Kinh doanh quốc tế - Kinh doanh thương mại - Thương mại điện tử - Quản trị nhân lực	- Kinh tế - Kinh tế đầu tư - Kinh tế phát triển - Kinh tế quốc tế - Thống kê kinh tế - Kinh tế ngoại thương - Tài chính - Ngân hàng - Kế toán - Kiểm toán - Quản lý công - Quản lý dự án - Quản trị văn phòng - Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - Quản trị khách sạn - Kinh doanh thời trang và dệt may - Bất động sản - Kinh tế vận tải - Quản lý tài nguyên và môi trường - Quản lý công nghiệp - Kinh tế công nghiệp - Logistic và quản lý chuỗi cung ứng - Quản lý dịch vụ Logistic - Quản lý kinh tế - Và các ngành kinh tế khác mà bằng tốt nghiệp là Cử nhân Kinh tế	- Kinh tế học (3TC) - Chiến lược và chính sách kinh doanh (3TC)	Các ngành còn lại ngoài các ngành đúng/ phù hợp và các ngành gần	- Kinh tế học (3TC) - Chiến lược và chính sách kinh doanh (3TC) - Marketing căn bản (3TC) - Quản trị học (3TC)

16. NGÀNH CÔNG NGHỆ THÔNG TIN				
- Hệ thống thông tin - Công nghệ thông tin - Khoa học máy tính - Công nghệ phần mềm - Mạng máy tính và Truyền thông dữ liệu - Tin học ứng dụng - Sư phạm tin học	- Toán học - Khoa học tính toán - Toán ứng dụng - Toán cơ - Toán tin - Thống kê - Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử - Công nghệ kỹ thuật điện tử - viễn thông - Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - Kỹ thuật điện - Kỹ thuật ra đa - dẫn đường - Kỹ thuật thủy âm - Kỹ thuật điện tử - viễn thông - Kỹ thuật y sinh - Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa Sư phạm Toán học	- Cơ sở dữ liệu (2TC) - Cấu trúc dữ liệu và giải thuật (2TC) - Kiến trúc máy tính (2TC)		
17. NGÀNH KỸ THUẬT XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG				
- Công nghệ kỹ thuật giao thông - Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông - Xây dựng cầu đường	- Công nghệ kỹ thuật công trình xây dựng - Kỹ thuật công trình xây dựng - Hạ tầng kỹ thuật/ Quản lý xây dựng - Công trình ngầm đô thị - Kỹ thuật trắc địa - bản đồ - Kỹ thuật xây dựng công trình thủy - Địa chất công trình/ Địa chất thủy văn - Kỹ thuật xây dựng công trình cảng - Kỹ thuật cấp thoát nước/ Xây dựng thủy lợi - thủy điện - cấp thoát nước	- Thiết kế thi công cầu (3TC) - Thiết kế thi công đường ô tô (3TC)		

18. NGÀNH KỸ THUẬT ĐIỆN				
- Kỹ thuật điện - Hệ thống điện - Điện khí hóa - Cung cấp điện - Điện Công nghiệp - Thiết bị điện - Mạng và Hệ thống điện - Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử	- Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử - Nhiệt điện - Quang điện tử - Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa - Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông	- Mạng cung cấp điện (2TC) - Ngắn mạch trong hệ thống điện (3TC)	- Kỹ thuật công nghiệp - Kỹ thuật máy tính - Kỹ thuật y sinh - Công nghệ kỹ thuật xây dựng - Kỹ thuật hệ thống công nghiệp - Công nghệ kỹ thuật tàu thủy - Kỹ thuật hàng không	- Mạng cung cấp điện (2TC) - Ngắn mạch trong hệ thống điện (3TC) - Giải tích máy điện (3TC) - Điện tử công suất (3TC)
19. NGÀNH PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN				
- Phát triển nông thôn - Nông nghiệp - chuyên ngành: Nông nghiệp Nông thôn	- Nông nghiệp - Khuyến nông - Khoa học đất - Chăn nuôi - Nông học - Khoa học cây trồng - Bảo vệ thực vật - Công nghệ rau hoa quả và cảnh quan - Kinh tế nông nghiệp - Kinh doanh nông nghiệp	- Phương pháp tiếp cận phát triển nông thôn (2TC) - Kinh tế nông thôn (2TC) - Hệ thống canh tác (2TC)	- Các ngành còn lại ngoài các ngành đúng/ phù hợp và các ngành gần	- Phương pháp tiếp cận phát triển nông thôn (2TC) - Kinh tế nông thôn (2TC) - Hệ thống canh tác (2TC) - Quy hoạch sử dụng đất nông nghiệp (2TC)
20. NGÀNH THÚ Y				
- Thú y - Chăn nuôi - Thú y - Dược thú y	- Chăn nuôi - Bệnh học thủy sản - Nuôi trồng thủy sản - Công nghệ giống vật nuôi - Công nghệ sản xuất thức ăn gia súc	- Vi sinh vật học thú y (3TC) - Bệnh truyền nhiễm thú y (3TC) - Sinh lý động vật (3TC)	- Sinh học - Công nghệ sinh học - Y tế công cộng - Công nghệ thực phẩm - Dược học - Nông học	- Vi sinh vật học thú y (3TC) - Bệnh truyền nhiễm thú y (3TC) - Sinh lý động vật (3TC) - Dược lý thú y (3TC)

21. NGÀNH NUÔI TRỒNG THỦY SẢN				
- Nuôi trồng thủy sản - Bệnh học thủy sản - Quản lý môi trường nuôi trồng thủy sản - Quản lý nguồn lợi thủy sản - Sinh học biển Công nghệ giống thủy sản	- Chăn nuôi - Phát triển nông thôn - Công nghệ sinh học - Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp - Sinh học ứng dụng Khoa học môi trường	- Vi sinh ứng dụng (2TC) - Kỹ thuật nuôi và sản xuất giống thủy sản nước ngọt (2TC) - Kỹ thuật nuôi và sản xuất giống thủy sản nước lợ/mặn (2TC)	- Các ngành còn lại ngoài các ngành đúng/ phù hợp và các ngành gần	- Vi sinh ứng dụng - Kỹ thuật nuôi và sản xuất giống thủy sản nước ngọt (2TC) - Kỹ thuật nuôi và sản xuất giống thủy sản nước lợ/mặn (2TC) - Bệnh cá, tôm (2TC)
22. NGÀNH LÝ LUẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC BỘ MÔN NGỮ VĂN				
Sư phạm Ngữ văn	- Tiếng Việt và văn hoá Việt Nam - Ngôn ngữ học - Văn học - Sư phạm tiếng Khmer - Ngôn ngữ Khmer - Giáo dục Tiểu học - Giáo dục Mầm non	- Đo lường, đánh giá trong giáo dục (2TC) - Những vấn đề cơ bản của phương pháp dạy học văn (2TC) - Những vấn đề cơ bản của phương pháp dạy học tiếng (2TC)	- Văn hoá học - Báo chí - Giáo dục học - Quản lý giáo dục - Văn hoá các dân tộc thiểu số Việt Nam - Việt Nam học - Tâm lý học - Tâm lý học Giáo dục	- Đo lường, đánh giá trong giáo dục (2TC) - Những vấn đề cơ bản của phương pháp dạy học văn (2TC) - Những vấn đề cơ bản của phương pháp dạy học tiếng (2TC) - Lý luận và công nghệ dạy học hiện đại (2TC)

23. NGÀNH VĂN HOÁ HỌC				
- Văn hóa học - Quản lý văn hóa - Đông phương học - Châu Á học - Đông Nam Á học - Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam - Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam - Việt Nam học	- Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - Du lịch - Công tác xã hội - Bảo tồn di sản kiến trúc - đô thị - Luật - Quản trị kinh doanh - Quản trị văn phòng/ Quản trị khách sạn - Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống - Xã hội học/ Nhân học - Gia đình học - Tôn giáo học - Triết học/ Chính trị học - Lịch sử - Ngôn ngữ học/ Ngôn ngữ Khmer - Văn học/ Sư phạm Ngữ văn - Quan hệ quốc tế - Chủ nghĩa xã hội khoa học - Địa lý học - Báo chí/ Bảo tàng học - Lý luận, lịch sử và phê bình mỹ thuật - Biểu diễn nhạc cụ truyền thống - Âm nhạc học - Đạo diễn sân khấu/ Biên đạo múa - Đạo diễn điện ảnh, truyền hình - Lý luận, lịch sử và phê bình múa - Thiết kế thời trang - Truyền thông đại chúng - Quản trị nhân lực - Quản lý nhà nước về an ninh trật tự	- Lý thuyết nghiên cứu văn hóa (3TC) - Cơ sở văn hóa Việt Nam (3TC)	- Các ngành còn lại ngoài các ngành đúng/ phù hợp và các ngành gần	- Lý thuyết nghiên cứu văn hóa (3TC) - Văn hoá học đại cương (3TC) - Cơ sở văn hóa Việt Nam (3TC) - Văn hoá - văn học dân gian Việt Nam (3TC)